

## **KẾ HOẠCH**

### **Dự toán ngân sách Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum năm 2020**

Thực hiện Công văn số 269/BKH-CN-KHTC ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, dự toán ngân sách năm 2018, 6 tháng đầu năm 2019, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020 với những nội dung sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2019**

##### **I. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG, THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ KH&CN VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

###### **1. Đánh giá việc xây dựng cơ chế, chính sách và hoàn thiện pháp luật về KH&CN**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Nghị quyết số 297/NQ-UBTVQH14 ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá giai đoạn 2015-2020:

Đề lãnh đạo tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Trung ương; Tỉnh ủy Kon Tum đã ban hành nhiều Chương trình, Kết luận của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy<sup>(1)</sup>; Ủy ban nhân dân tỉnh đã quán triệt và chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung theo tinh thần của Chỉ thị, Chương trình; đồng thời cụ thể hóa, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, v.v..., qua đó, đã xác

---

<sup>(1)</sup> Chương trình số 47-CTr/TU ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 6, khóa XI; Chương trình số 93-CTr/TU, ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04 tháng 3 năm 2005 của Ban Bí thư khóa IX về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Bí thư (Khóa XII) về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư (Khóa IX) về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, v.v...

định rõ mục đích, yêu cầu; mục tiêu; nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tế để chỉ đạo thực hiện trên địa bàn tỉnh<sup>(2)</sup>.

Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách mới về KH&CN: cơ chế đặt hàng đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước, triển khai thực hiện Luật KH&CN năm 2013 và các Luật khác liên quan; công tác quản lý hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống. Các nhiệm vụ KH&CN được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặt hàng và có cam kết ứng dụng, nhân rộng các kết quả nghiên cứu của các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp trên địa bàn; Kịp thời tổ chức triển khai các quy định của Bộ KH&CN về xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, xét giao trực tiếp; quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Qua đó, việc đăng ký hồ sơ, tổ chức tuyển chọn, xét giao trực tiếp; phê duyệt dự toán kinh phí và ký kết hợp đồng thực hiện được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng hướng dẫn của Bộ KH&CN và quy trình quản lý của tỉnh đã ban hành. Công tác tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN bảo đảm được tính chặt chẽ, khách quan trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN. Các nhiệm vụ KH&CN hoàn thành, nghiệm thu đã tổ chức công bố kết quả nghiên cứu theo quy định và bàn giao cho các đơn vị sử dụng kết quả nghiên cứu để triển khai ứng dụng, nhân rộng trong sản xuất và công tác quản lý tại các đơn vị, địa phương của tỉnh.

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, kế hoạch phát triển KH&CN theo quy định của Chính phủ<sup>(3)</sup>, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương<sup>(4)</sup>. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh<sup>(5)</sup>; triển khai thực hiện cơ chế đặt hàng đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; đưa Quỹ phát triển KH&CN vào hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Thực hiện cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở KH&CN triển khai áp dụng đồng bộ các quy định về cơ chế

---

<sup>(2)</sup> Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển KH&CN tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2012 - 2016; Quyết định số 393/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 46/NQ-CP, ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum.

<sup>(3)</sup> Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ...

<sup>(4)</sup> Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKH&CN-BNV-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ KH&CN, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước

<sup>(5)</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 về việc giao quyền tự chủ cho Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN góp phần cụ thể hóa việc đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN thông qua các quy định về phương thức khoán chi, trao quyền chủ động cho chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì trong việc sử dụng kinh phí, đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán kinh phí.

## **2. Các cơ chế chính sách và quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân**

*Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng:* Thực hiện Luật tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, Luật đo lường, Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh góp phần đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng, tạo được niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan quản lý nhà nước. Triển khai Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng của Doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2010”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc thực hiện Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Kon Tum” giai đoạn 2017 - 2020. Thông qua việc thực hiện Dự án, bước đầu đã xây dựng phong trào năng suất và chất lượng, xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng kết hợp với áp dụng các mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng tiên tiến, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu...; Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn lực cho các doanh nghiệp, tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa chủ lực của địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

*Lĩnh vực nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân:* Thực hiện Luật Năng lượng nguyên tử và các văn bản hướng dẫn thực hiện<sup>(6)</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân trên địa bàn tỉnh Kon Tum và đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tại Quyết định số 3080/QĐ-BKHCN ngày 19 tháng 10 năm 2016. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum; Kế hoạch về triển khai hoạt động ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 -2020<sup>(7)</sup>.

---

<sup>6</sup> Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

<sup>7</sup> Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 thành lập Ban Chỉ huy UPSC bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 1295/KH-UBND ngày 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về triển khai hoạt động ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 1155/KH-UBND ngày 16/5/2019 về việc diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum năm 2019; Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập ban tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum năm 2019; Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kịch bản diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh năm 2019.

*Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ:* Thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện<sup>(8)</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020. Thông qua Chương trình nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh trong tỉnh về tạo lập, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ trong hội nhập kinh tế; Hỗ trợ các tổ chức sản xuất, kinh doanh trong tỉnh về tạo lập, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế có tiềm năng xuất khẩu.

### **3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật (QCVN)**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở KH&CN giao cho Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh thường xuyên cập nhật các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng vào kho tiêu chuẩn của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, phục vụ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tra cứu, sử dụng khi có nhu cầu.

Bên cạnh đó cũng đã thường xuyên hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và lập hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm của doanh nghiệp.

### **4. Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp KH&CN**

Hệ thống pháp luật về KH&CN tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gắn kết, phục vụ trực tiếp việc nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chuyển giao, đổi mới công nghệ; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, phát triển thị trường KH&CN.

### **5. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4**

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-HĐPTNL ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020. Công tác phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng thực hiện, các cơ sở giáo dục được quan tâm đầu tư. Năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi sáp nhập được nâng lên, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Đội ngũ giảng viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

---

<sup>8</sup> Luật Sở hữu trí tuệ, ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, ngày 19/6/2009.

## **6. Cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen và Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen được Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ngày 23 tháng 8 năm 2016. Thực hiện các chính sách thu hút nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của địa phương Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Nghị Quyết số 64/2016/NQ-HĐND, ngày 19 tháng 8 năm 2016 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biên trên địa bàn tỉnh Kon Tum để kêu gọi thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đến đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen như: Khuyến khích xây dựng nhà ở cho lao động, Hỗ trợ khởi nghiệp doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đầu tư, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngoài các Khu nông nghiệp công nghệ cao: Được hỗ trợ kinh phí đầu tư nhà kính, nhà lưới với mức hỗ trợ 50.000 đồng/m<sup>2</sup>, diện tích hỗ trợ tối đa không quá 300m<sup>2</sup>/nhà đầu tư; Đầu tư, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong Khu nông nghiệp công nghệ cao: Được miễn tiền thuê nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt trong thời hạn 03 năm và giảm 50% tiền thuê cho 02 năm tiếp theo.

## **7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quán triệt và tổ chức tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 3335/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc thực hiện công tác cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2018. Công tác cải cách hành chính luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

## **8. Việc thành lập và hoạt động Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

Thực hiện Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó quy định doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, đối với tỉnh Kon Tum các doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, nguồn vốn ít nên các doanh nghiệp chưa mạnh dạn trích và sử dụng quỹ; một số doanh nghiệp thành lập quỹ chỉ thực hiện kê khai và báo cáo đối với cơ quan thuế mà không gửi quyết định thành lập đến Sở KH&CN, nên số lượng doanh nghiệp thành lập quỹ chưa được thống kê đầy đủ.

Để các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thành lập và sử dụng có hiệu quả Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở KH&CN, Sở Tài chính đẩy mạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập Quỹ theo quy định.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG KH&CN**

### **1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp**

a) Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của tỉnh Kon Tum, đã được Bộ KH&CN phê duyệt cho triển khai 03 dự án do Bộ KH&CN quản lý, bao gồm: (1) Dự án: Xây dựng mô hình nhân giống, trồng và sơ chế biến Giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino) và Độc hoạt (*Angelica pubescens* Ait.) theo GACP nhằm tạo vùng nguyên liệu cho sản xuất thuốc tại tỉnh Kon Tum”; (2) Khảo nghiệm và hoàn thiện quy trình sản xuất giống cây dược liệu Xuyên khung (*Ligusticum wallichii* Franch; (3) Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu từ nguồn gen Đảng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook.f.) tại tỉnh Kon Tum, thuộc các Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 và Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hiện các đề tài, dự án đang triển khai, thực hiện.

### **b) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

Trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 đã chỉ đạo Sở KH&CN tổ chức công bố, bàn giao sản phẩm 14/16 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh đã được nghiệm thu cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho 01 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh<sup>9</sup>; Tiếp tục tổ chức triển khai 09 đề tài, dự án chuyển tiếp năm 2018 sang, trong đó đã nghiệm thu 01 dự án KH&CN cấp tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện 06 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2019. Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản: Triển khai nghiên cứu lựa chọn đối tượng và cơ cấu cây trồng hàng năm thích hợp với điều kiện hạn hán và vùng có nguy cơ thiếu nước ở các tiểu vùng sinh thái tỉnh Kon Tum; nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá niên; nghiên cứu các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại trên cây Sâm Ngọc Linh; ứng dụng quy trình công nghệ trong tái canh cà phê; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số cây dược liệu và các loại rau, quả trên địa bàn huyện Kon Plông và Thành phố Kon Tum,...

- Lĩnh vực Y tế, dược, công nghệ sinh học và lĩnh vực khác: Triển khai nghiên cứu sâu về thành phần hóa học, dược lý trên thân, lá Sâm Ngọc Linh và chiết xuất dịch chiết từ dược liệu như Đảng sâm, nấm Đông trùng hạ thảo; ứng dụng công nghệ lên men để nâng cao chất lượng trong sản xuất cà phê; ứng

<sup>9</sup> Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm vi sinh vật đa chức năng để xử lý phụ phế phẩm nông nghiệp làm phân bón

dụng bài thuốc “Độc hoạt tang ký sinh” và “cao xương cá sấu” trong điều trị loãng xương ở người trên 60 tuổi,...

- Trong lĩnh vực lĩnh vực xã hội và nhân văn: Triển khai nghiên cứu giải pháp phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa tại tỉnh Kon Tum.

## 2. Phát triển tiềm lực KH&CN

a) Tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn

Thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”; Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình; Kế hoạch thực hiện<sup>(10)</sup>.

Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030<sup>(11)</sup>. Theo đó, trong năm 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ tỉnh Kon Tum<sup>12</sup> (*trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ, Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*).

b) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN:

- Về phát triển đội ngũ, các tổ chức, tập thể KH&CN: Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 01 tổ chức KH&CN<sup>13</sup> và 08 tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN<sup>14</sup>. Nhân lực quản lý nhà nước về KH&CN tại Sở KH&CN và đơn vị trực thuộc hiện có 28 người<sup>(15)</sup>. Đến nay có 10/10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh bố trí Lãnh đạo, chuyên viên phụ trách, chuyên trách về lĩnh vực KH&CN.

---

<sup>10</sup> Chương trình số 53-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”; Kế hoạch số 740/KH-Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 28/3/2018 Thực hiện Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”.

<sup>(11)</sup> Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 V/v Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>12</sup> Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 13/6/2018

<sup>13</sup> Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ tỉnh Kon Tum

<sup>14</sup> Trong đó, có 06 tổ chức KH&CN công lập (Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN; Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Kon Tum; Trung tâm Công nghệ thông tin; Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ kỹ thuật Nông lâm nghiệp huyện Đăk Hà; Trung tâm thực nghiệm và Cung ứng dịch vụ - Trường Cao đẳng cộng đồng) và 02 tổ chức KH&CN ngoài công lập (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học - Công nghệ, thuộc Công ty TNHH Thái Hòa) và Phân Viện Tây Nguyên (thuộc Viện nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Sài Gòn (SMI).

<sup>(15)</sup>: Số KH&CN: 21; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 7. Trong đó: trình độ thạc sỹ: 07, đại học 21; có 4/10 huyện, thành phố đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách.

- Nguồn nhân lực tham gia nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh hiện có 364 người (trong đó có 05 Tiến sĩ, 136 Thạc sĩ, 174 Đại học, 08 Cao đẳng, 21 khác, v.v...). Nhìn chung, nguồn nhân lực trong các tổ chức KH&CN đã được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ; năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ KH&CN của tỉnh được nâng lên cả về trình độ đào tạo, kinh nghiệm nghiên cứu như tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao Măng Đen. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh vẫn còn hạn chế, đặc biệt đối với nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, v.v... chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng KH&CN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### c) Kết quả thực hiện khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen và Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguồn lực và cơ sở vật chất từ 2 đơn vị (Trại thực nghiệm thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN thuộc Sở Khoa học và công nghệ và Trung tâm Dạy nghề Măng Đen thuộc UBND huyện Kon Plông).

Tuy mới được thành lập từ năm 2016, nhưng đến nay khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen bước đầu đã đem lại những kết quả nhất định như: Thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đến nay đã có 04 doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong Khu nông nghiệp với tổng mức đầu tư cam kết là 133 tỷ đồng<sup>16</sup>.

Hỗ trợ một số cá nhân, tập thể thành lập các doanh nghiệp khởi nghiệp trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen, kết quả đã thành lập được 1 số công ty như: Công ty Men Đen Agrico, công ty Green farm Măng Đen, Công ty Trí Nguyễn Măng Đen.

Triển khai các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ công tác nghiên cứu và chọn giống để nhằm rút ra quy trình sản xuất tốt nhất để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân<sup>(17)</sup>.

## 3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN và thị trường KH&CN

Về phát triển doanh nghiệp KH&CN: Đến nay tỉnh Kon Tum có 02 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp KH&CN. Tuy nhiên, hiện nay 01 doanh nghiệp đã ngưng hoạt động. Trong đó có các nguyên nhân là do nguồn vốn của doanh nghiệp KH&CN còn hạn chế, kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN chưa được doanh nghiệp quan tâm đúng mức; Việc triển khai các chính sách hỗ trợ cho các Doanh nghiệp KH&CN còn gặp

---

<sup>16</sup> Công ty cổ phần dược liệu MeKong, Công ty 4 ways PTY LTD (Australia), công ty TNHH InterGreen, công ty cổ phần Solavina, công ty TNHH ADC (Cần thơ).

<sup>(17)</sup> Trồng thử nghiệm giống dưa leo bao tử, cà chua, Đậu tây; Trồng và sản xuất giống một số loại cây dược liệu như: Lan kim tuyến, Sâm đương quy, sâm dây... Ngoài ra đang phối hợp với các tổ chức, các nhân thực hiện các đề tài nghiên cứu các loại giống cây trồng như: Hoa lyly, 1 số loại cây dược liệu...



khó khăn. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu cải tiến chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN thiết thực hơn; hỗ trợ liên kết hợp tác đầu tư nghiên cứu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm mới...

*Về thị trường KH&CN:* Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về phát triển thị trường KH&CN chỉ mới tập trung vào một số hoạt động như: tuyên truyền phổ biến kiến thức, pháp luật về phát triển thị trường KH&CN. Là một tỉnh miền núi, nền kinh tế tỉnh Kon Tum phát triển chậm, còn nhiều khó khăn. Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn ít, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường, không chỉ thị trường nước ngoài mà cả thị trường trong nước nhìn chung còn yếu, nhu cầu và mức đầu tư cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thấp; doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN hầu như không có vì vậy nên thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo các yếu tố để hình thành và phát triển.

#### **4. Các hoạt động hỗ trợ, sản xuất kinh doanh**

a) Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

*Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ:* Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Phần lớn là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ sản xuất yếu kém, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường, không chỉ thị trường nước ngoài mà cả thị trường trong nước, nhìn chung còn yếu, thiếu các doanh nghiệp lớn, có thực lực mạnh mẽ để làm đầu tàu, tạo đòn bẩy phát triển cho khối kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Sở KH&CN thường xuyên thông báo và hướng dẫn cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

*Thúc đẩy đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp:* Thực hiện Quyết định 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, Tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 5 năm 2017 phê duyệt Chương trình Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020. Trên cơ sở đó đã thành lập Hội đồng tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Kon Tum để thẩm định, xét duyệt, tư vấn và hỗ trợ các dự án, ý tưởng kinh doanh khả thi để tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp; triển khai các chương trình khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai và duy trì mô hình cà phê “*khởi nghiệp - doanh nhân*”. Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Kon Tum. Thực hiện hỗ trợ không hoàn lại, không thu phí cho 14 dự án đã được Hội đồng xét duyệt với mức hỗ trợ là 02 triệu đồng/dự án từ nguồn lãi suất tiền gửi của Quỹ. Hỗ trợ có hoàn lại, có thu phí với 05 dự án<sup>18</sup>, với tổng mức hỗ trợ là 430 triệu đồng.

---

<sup>18</sup> Dự án: Nông trại hữu cơ Nico Yasai Măng Đen; Ứng dụng công nghệ cao và bảo tồn và phát triển lan rừng gắn với Du lịch trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Khởi nghiệp cùng mô hình kinh tế trang trại khép kín theo hướng

## b) Hoạt động sở hữu trí tuệ

Tập trung vào việc tập huấn, hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ, tư vấn xây dựng, quảng bá thương hiệu, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, doanh nghiệp.

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở KH&CN thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh<sup>19</sup>. Qua đó nâng cao nhận thức về Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp và Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản của địa phương. Năm 2018, và 6 tháng đầu năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 04 dự án thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020, thời gian thực hiện từ năm 2018 -2020<sup>(20)</sup>. Trong năm Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum.

## c) Hoạt động Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu nghiệp vụ về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo hướng dẫn của Văn phòng TBT Việt Nam. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, tham gia các giải thưởng chất lượng Việt Nam, v.v... được tăng cường.

Tổ chức 02 Hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật về đo lường, chất lượng; 04 khóa đào tạo nghiệp vụ gồm: Kiến thức về “năng suất, chất lượng”, 03 khóa đào tạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019 đến 2021<sup>(21)</sup>. Công

---

hữu cơ sinh học; Nông trại hữu cơ rau thủy canh và không gian xanh Kon Tum; Mô hình kinh doanh quán cà phê English.

<sup>19</sup>Tổ chức lớp tập huấn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản của địa phương cho các Sở, ngành, Lãnh đạo các phòng Phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

<sup>(20)</sup> Dự án: “Xây dựng chỉ dẫn địa lý “Đăk Hà” cho sản phẩm cà phê huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum”, thời gian thực hiện 24 tháng, tổng kinh phí dự án là: 1.175.271.000 đồng, trong đó kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh là: 939.861.000 đồng, ngân sách huyện đối ứng 235.410.000 đồng. Dự án: Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Sâm Ngọc Linh Kon Tum”, thời gian thực hiện 12 tháng, kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh là 495.543.000 đồng. Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “cà phê xứ lạnh Kon Tum”. Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận các dược liệu tỉnh Kon Tum.

<sup>(21)</sup>01 Hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật về đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu cho 50 cán bộ, nhân viên thuộc các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Kon Tum; 01 khoá đào tạo kiến thức về “năng suất, chất lượng” và các “chính sách hỗ trợ của nhà nước” cho 50 đối tượng là lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ làm chuyên môn của các doanh nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; 01 khoá đào tạo “*Nhận thức và triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho cơ quan hành chính cấp xã, phường năm 2018*” cho 70 cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các xã, phường, thị trấn; 01 khoá đào tạo “Kỹ năng duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và nhận thức chung về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015” cho 76 cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh; 01 Hội nghị phổ biến Văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh

tác kiểm định phương tiện đo các loại ngày càng được tăng cường, góp phần đảm bảo tính chính xác của các phương tiện đo<sup>(22)</sup>.

- Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, hợp quy, đăng ký mã số mã vạch cho sản phẩm, hàng hoá. Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh công bố dấu định lượng trên nhãn hàng hoá, hướng dẫn làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng.

- Thông qua việc thực hiện Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020, trong năm 2018 đã hỗ trợ cho 5 doanh nghiệp với tổng số kinh phí 167 triệu đồng để thực hiện các dự án đăng ký sử dụng mã số mã vạch, xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, các dự án sau khi kết thúc đều đã được doanh nghiệp đưa vào áp dụng, qua đó đã giúp các doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, kinh doanh, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá so với trước đây. Trong 6 tháng đầu năm 2019 tiếp tục hướng dẫn 05 doanh nghiệp làm các thủ tục để đăng ký hỗ trợ từ dự án.

#### **d) Kết quả triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4**

Thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2903/KH-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2017 để triển khai thực hiện. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp và toàn xã hội về cuộc Cách mạng lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh. Một số kết quả bước đầu đạt được đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành và phát triển sản xuất trên các lĩnh vực, cụ thể trên một số lĩnh vực sau:

*Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống chính quyền điện tử; xây dựng Trung tâm dữ liệu của tỉnh: Đến nay, hệ*

---

ngày cho 17 Doanh nghiệp; 01 khóa đào tạo “Chuyên đổi, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng Theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan HCNN” từ ngày 21-24/5/2019 cho 160 công chức thuộc các cơ quan hành chính cấp tỉnh.

<sup>(22)</sup> Tổ chức kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại 30 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, đạt 100 % kế hoạch năm. Kết quả kiểm tra phát hiện 04 cơ sở vi phạm hành chính về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hoá đã chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý. Thông qua công tác kiểm tra, đã lồng ghép với tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Phối hợp thanh, kiểm tra: Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành (do Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục thuế và Chi cục thuế các huyện làm trưởng đoàn - theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại 15 cơ sở (đạt 100% kế hoạch năm), qua kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Phối hợp với phòng KTHT huyện Sa Thầy tổ chức kiểm tra nhà nước về đo lường tại các TTTM và các chợ trên địa bàn các huyện, xã tại 75 cơ sở, hộ kinh doanh.

thông mạng cáp quang đã được phát triển đến 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Hệ thống máy tính phục vụ công việc tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hầu hết cấu hình máy tính ở mức độ trung bình. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức cấp tỉnh ước đạt 97.93 %; cấp huyện ước đạt 77.28%; cấp xã ước đạt 90.88%. 100% các đơn vị đã có kết nối mạng nội bộ LAN với khoảng 106 máy chủ<sup>(2)</sup>, trong đó cấp tỉnh 67 máy chủ, cấp huyện 39 máy chủ. Hệ thống Mạng Truyền số liệu chuyên dùng đã được kết nối đưa vào sử dụng cho 30/30 đơn vị, địa phương và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

*Triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; phần mềm 1 cửa điện tử phục vụ cho người dân và doanh nghiệp:* Triển khai xây dựng 22 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện thành phố, nâng tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tại địa chỉ [www.dichvucong.kontum.gov.vn](http://www.dichvucong.kontum.gov.vn) lên 32 dịch vụ công.

*Kết nối, liên thông đồng bộ các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum và Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam:* Đã tiến hành triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành eoffice cho 30/30 sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; kết nối liên thông 03 cấp từ cấp huyện, cấp tỉnh đến trung ương. Tỉnh đã triển khai thử nghiệm phần mềm VNPT ioffice và thực hiện liên thông 04 cấp từ trung ương đến các xã và ngược lại, thực hiện gửi nhận văn bản qua trực liên thông văn bản quốc gia.

Về các nội dung: Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng yêu cầu kết nối internet vạn vật; Quản lý hệ thống cầu, đường bộ trên địa bàn tỉnh; Phát triển công nghệ cao, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp, công nghiệp sinh học; Thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) trong chương trình giáo dục, v.v... trên địa bàn tỉnh đều đã được triển khai thực hiện có hiệu quả.

## **5. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân**

Triển khai Kế hoạch Ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân trên địa bàn tỉnh Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Ban Chỉ huy Ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân, ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 -2020; Ban hành Kế hoạch Diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum năm 2019 và chỉ đạo Sở KH&CN chuẩn bị đầy đủ nội dung phục vụ công tác diễn tập dự kiến tổ chức trong tháng 6 năm 2019.

Về quản lý và cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ: Trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 đã hướng dẫn lập hồ sơ và kiểm tra cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang trong y tế) cho 13 cơ sở.

---

<sup>(2)</sup> Năm 2013: 12 máy chủ/12 đơn vị; năm 2014: 13 máy chủ/13 đơn vị; năm 2015: 13 máy chủ/11 đơn vị.

## **6. Hoạt động Thông tin và thông kê KH&CN**

*Kết quả xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin:* Đầu tư thiết bị BTN của BKAV về an toàn, an ninh mạng tại cơ quan; Nâng cấp hạ tầng mạng tại cơ quan (thiết bị Wifi chuyên dùng) nhằm nâng cao hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; Thường xuyên theo dõi, kiểm soát, khắc phục sự cố về an toàn, an ninh thông tin tại cơ quan.

*Kết quả thực hiện hoạt động thông tin KH&CN:* Xuất bản 6 số ấn phẩm Thông tin KH&CN với số lượng 1.600 cuốn; 14 số Bản tin KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội với số lượng 5.100 cuốn; cập nhật hơn 570 tin, bài về thông tin KH&CN lên trang thông tin điện tử của Sở KH&CN. Xây dựng và phát sóng 09 chuyên mục “Khoa học và Công nghệ” trên sóng truyền hình Kon Tum.

*Kết quả thực hiện hoạt động thống kê KH&CN:* Thực hiện báo cáo thống kê cơ sở và thống kê tổng hợp khoa học và công nghệ năm 2018. Cấp 16 giấy chứng nhận đề tài đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

## **7. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN**

Các quy trình giải quyết Thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực KH&CN được niêm yết tại Sở KH&CN và các đơn vị trực thuộc, đồng thời đăng tải toàn bộ 53 thủ tục và quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở KH&CN trên trang thông tin điện tử của Sở KH&CN theo đúng quy định. Các thủ tục được niêm yết đều đạt yêu cầu theo quy định về hồ sơ, thủ tục, thời gian giải quyết, phí và lệ phí, qua đó đã cải tiến lề lối làm việc, giảm bớt thủ tục phiền hà và tăng cường trách nhiệm của công chức, viên chức. Trong năm 2018 đã tiếp nhận và trả kết quả 3563 hồ sơ, 100% hồ sơ tiếp nhận được giải quyết trước hạn hoặc đúng hạn.

Tiếp tục duy trì và áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại Sở KH&CN và đơn vị trực thuộc. Thực hiện chuyển đổi áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo quy định.

Để đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa, minh bạch hóa các quy trình, thủ tục, giảm thời gian chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở KH&CN thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ các thủ tục hành chính chưa hợp lý; cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tới tổ chức, cá nhân.

## **8. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN**

Trong năm 2019, nguồn kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN bố trí thực hiện Dự án: “Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Kon Tum” là 2,6 tỷ đồng. Đến nay dự án đã hoàn thành việc đầu tư, toàn bộ thiết bị của dự án đã được nghiệm thu, các hạng mục đầu tư đã đáp ứng được nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng của tỉnh.

## 9. Hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN

Quỹ phát triển KH&CN tỉnh thành lập ngày 07/01/2009, vốn hoạt động của Quỹ được cấp một lần ban đầu là 02 tỷ đồng. Tính đến tháng 5-2017 Quỹ đã thực hiện cho vay 04 dự án<sup>(24)</sup>, với tổng kinh phí cho vay là 1.400 triệu đồng; trong đó, đến nay có 03 dự án đã hoàn trả vốn, 01 dự án đang triển khai và sẽ hoàn trả vốn trong năm 2019. Các dự án cho vay của Quỹ đều gắn với sản phẩm chủ lực của tỉnh, thông qua dự án giúp cho các doanh nghiệp có điều kiện áp dụng những công nghệ mới vào sản xuất tạo ra sản phẩm mới thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

## 10. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Ngân sách Nhà nước (NSNN) đầu tư cho KH&CN tỉnh Kon Tum trong năm 2018, 6 tháng đầu năm 2019 và ước thực hiện cả năm 2019, như sau:

### Tình hình phân bổ ngân sách năm 2018, 2019

*DVT: triệu đồng*

Năm	Tổng chi	Trong đó		Ghi chú
		Chi quản lý nhà nước	Chi sự nghiệp KH&CN	
2018	18.960	4.374	14.586	
2019	20.375	4.622	15.753	
<b>Tổng số</b>	<b>39.335</b>	<b>8.996</b>	<b>30.339</b>	

Ngân sách KH&CN hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ đảm bảo bằng số kinh phí của Trung ương cân đối cho địa phương. Tuy nhiên, số kinh phí phân bổ hàng năm chưa đảm bảo theo quy định (*chi ngân sách cho khoa học và công nghệ hàng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách địa phương*); chưa đáp ứng nhu cầu để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Năm 2019, kinh phí cấp cho KH&CN chỉ đạt khoảng 0,4% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

Việc giải ngân kinh phí sự nghiệp hàng năm đảm bảo thực hiện theo tiến độ, năm 2018 kết quả giải ngân kinh phí đạt 95% kế hoạch giao, 6 tháng đầu năm đạt gần 40% kế hoạch giao trong năm. Về kinh phí đầu tư phát triển tỷ lệ giải ngân 6 tháng đầu năm đạt 100% kế hoạch giao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phân bổ và sử dụng NSNN cho KH&CN của địa phương vẫn gặp những khó khăn như: Nguồn kinh phí đầu tư cho KH&CN chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào NSNN; chưa huy động được nguồn lực từ xã hội, sự đóng góp từ các nguồn kinh phí khác; các doanh nghiệp trên địa

<sup>(24)</sup>: (1) Dự án sản xuất gạch không nung theo công nghệ Polyme khoáng tổng hợp của Công ty cổ phần Tân Hưng. Số vốn vay 500 triệu đồng (Đã hoàn trả đủ vốn); (2) Dự án sản xuất hoa Lily thương phẩm phục vụ Tết nguyên đán Bình Thân 2016 của Hợp tác xã thanh niên Măng Đen. Số vốn vay 300 triệu đồng (Đã hoàn trả đủ vốn); (3) Dự án: Sản xuất một số loài hoa lan có giá trị cao tại huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum của Trung tâm Ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ (Đã hoàn trả đủ số vốn); (4) Dự án: Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cây hoa lan Kim tuyến tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Thời hạn cho vay 36 tháng (kết thúc vào năm 2019)

bàn chưa quan tâm đầu tư nhiều cho KH&CN, vì vậy, chưa đủ khả năng, nguồn lực để giải quyết các vấn đề cấp thiết của xã hội, các chương trình KH&CN quan trọng của tỉnh.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

Nhìn chung hoạt động KH&CN đã bám sát các quy định của pháp luật, Nghị quyết, Nghị định, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và chương trình, định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương. Công tác quản lý hoạt động KH&CN từng bước được đổi mới<sup>25</sup> phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu KH&CN đã mang lại những kết quả nhất định, bước đầu đã gắn kết với các doanh nghiệp để nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. Tập trung ứng dụng thành tựu KH&CN vào nhiều lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng như: lúa, cà phê, rau, hoa xứ lạnh chất lượng cao; sản xuất rau an toàn theo hướng Viet Gap; sâm Ngọc Linh, Đảng sâm (sâm dây), Ngũ vị tử, án ăn và nấm dược liệu...

#### **2. Hạn chế**

- Đóng góp của KH&CN vào tăng trưởng kinh tế còn thấp, hiệu quả chuyên giao, ứng dụng kết quả đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống chưa cao.

- Thời gian qua, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và tạo điều kiện để ứng dụng, phát triển, đưa KH&CN vào thực tiễn, cuộc sống. Tuy nhiên nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh còn ít, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, chưa huy động nguồn vốn ngoài xã hội.

- Tiềm lực KH&CN của địa phương còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng: Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn thiếu; số lượng các tổ chức KH&CN và nguồn nhân lực KH&CN chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận, chuyên giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **3. Nguyên nhân**

---

<sup>25</sup> Một số đổi mới rõ nét như: Về xác định, phê duyệt các đề tài, dự án KH&CN hàng năm (đã chuyển mạnh từ việc chủ yếu tổng hợp từ các đề xuất của các ngành, tổ chức KH&CN sang cơ chế đặt hàng để giải quyết những vấn đề cấp thiết từ thực tiễn của tỉnh, ngành, địa phương, chú trọng sản phẩm cuối cùng gắn với địa chỉ sử dụng, ứng dụng cụ thể. Thực hiện việc bàn giao, chuyên giao kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu đến các tổ chức có liên quan để ứng dụng (Trong các năm 2018, 6 tháng đầu năm 2019 đã bàn giao kết quả của 14 đề tài, dự án cấp tỉnh cho các cơ quan, đơn vị ứng dụng vào sản xuất và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh).

*\* Nguyên nhân khách quan:*

- Tỉnh Kon Tum còn khó khăn về kinh tế, lợi thế so sánh và các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư cho KH&CN chưa đủ mạnh.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn thiếu. Đội ngũ cán bộ KH&CN tại chỗ còn mỏng.

*\* Nguyên nhân chủ quan:*

- Doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đầu tư cho KH&CN, chưa thực hiện việc trích lập quỹ phát triển KH&CN trong các doanh nghiệp theo quy định.

- Khả năng đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất của hầu hết các doanh nghiệp còn yếu.

## **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2020**

### **I. NGUYÊN TẮC CHUNG**

#### **1. Xác định tổng kinh phí cho hoạt động KH&CN**

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN do Trung ương quản lý

Đề xuất Bộ KH&CN xem xét phê duyệt danh mục và bố trí kinh phí thực hiện 02 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 và 01 dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia, cụ thể như sau:

- Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng và tiêu thụ cây Đinh lăng theo chuỗi giá trị tại huyện miền núi Sa Thầy - tỉnh Kon Tum. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 7,218 tỷ đồng, trong đó kinh phí Trung ương hỗ trợ: 4,365 tỷ đồng, nguồn khác: 2,853 tỷ đồng.

- Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến các sản phẩm từ Sa nhân tím, ngũ vị tử, Đảng sâm đạt tiêu chuẩn GACP-WHO tại huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 11,304 tỷ đồng, trong đó kinh phí Trung ương hỗ trợ: 5,304 tỷ đồng, nguồn khác: 6 tỷ đồng.

- Dự án: Đầu tư nhà máy chế biến Sâm Ngọc linh Kon Tum. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 50 tỷ đồng, trong đó kinh phí Trung ương hỗ trợ: 30 tỷ đồng, nguồn khác: 20 tỷ đồng.

b) Kinh phí ngân sách tỉnh quản lý

Trên cơ sở tổng mức kinh phí KH&CN được cấp hàng năm giai đoạn 2017-2019, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ phát sinh tại địa phương cần bố trí thực hiện một số nhiệm vụ mới như: Thực hiện đề án ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh; Các nhiệm vụ KH&CN tập trung cho việc phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh, do đó dự toán chi ngân sách cho hoạt động KH&CN tỉnh Kon



Tum năm 2020 là 42,86 tỷ đồng (bao gồm: Kinh phí sự nghiệp KH&CN là 17,16 tỷ đồng; kinh phí đầu tư phát triển là 25,7 tỷ đồng) tăng 27,107 tỷ đồng so với dự toán năm 2019, cụ thể:

- Tăng 1,407 tỷ đồng, tương ứng 8% so với kinh phí sự nghiệp KH&CN được giao.

- Tăng 25,7 tỷ đồng kinh phí đầu tư phát triển KH&CN.

## **2. Xác định cơ cấu kinh phí cho các loại hình nhiệm vụ KH&CN**

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN là tỷ đồng chiếm 49% tổng nguồn chi sự nghiệp KH&CN; trong đó: Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh chuyên tiếp thực hiện trong năm 2020: 3,588 tỷ đồng; nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh mở mới thực hiện năm 2020 (bao gồm cả kinh phí thực án Đề án ứng dụng Công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh): 4,912 tỷ đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: 1,6 tỷ đồng, chiếm 10% tổng kinh phí chi sự nghiệp.

- Chi hoạt động KH&CN cấp huyện: 1,5 tỷ đồng, chiếm 9 % tổng chi sự nghiệp.

- Chi hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, chi khác: 3,17 tỷ đồng, chiếm 18% tổng chi sự nghiệp.

- Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp (bao gồm cả kinh phí sửa chữa nhà làm việc của Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ KH&CN; chi phí trang bị 02 xem ô tô chuyên dùng cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng và Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ KH&CN): 2 tỷ đồng, chiếm 12% tổng chi sự nghiệp.

- Chi sự nghiệp tại Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh: 390 triệu đồng, chiếm 2% tổng chi sự nghiệp.

## **II. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

Thực hiện hướng dẫn của Bộ KH&CN, để xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở KH&CN thông báo, hướng dẫn cho các sở, ngành, các trường, các huyện, thành phố, các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đề xuất đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh và đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể:

- Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh chuyên tiếp thực hiện trong năm 2020: gồm 09 nhiệm vụ.

- Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh mở mới thực hiện năm 2020: gồm 07 nhiệm vụ.

## **III. Xây dựng kế hoạch các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 20-NQ/TW, Chương trình số 47-CTr/TU, ngày 09-4-2013 của Tỉnh ủy khóa XIV thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa XI; tổ chức thực hiện tốt Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương về thực hiện

Luật KH&CN năm 2013 và các Luật, Nghị định, các văn bản liên quan KH&CN đã được cấp thẩm quyền ban hành. Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách mới về KH&CN. Định kỳ kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò và động lực của khoa học công nghệ. Xác định KH&CN là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Tập trung các nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển KH&CN chủ yếu trong thời gian đến:**

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại, trong đó tập trung vào các ngành, lĩnh vực có thế mạnh như: công nghệ sinh học, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo quản, chế biến nông sản, dược liệu và các sản phẩm chủ lực khác của tỉnh; các sản phẩm/dịch vụ viễn thông/công nghệ thông tin trọng điểm để nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học (CNSH) vào sản xuất và đời sống; đa dạng hóa đầu tư phát triển CNSH, tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNSH; ứng dụng và chuyển giao các thành tựu CNSH trong và ngoài nước phục vụ phát triển bền vững trong y tế, nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến gắn với công tác bảo vệ môi trường, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao, bền vững và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN đáp ứng yêu cầu trong công tác bảo tồn, phát triển và chế biến các sản phẩm dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra các sản phẩm dược liệu có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường. Phát triển, chế biến dược liệu của tỉnh, góp phần tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường sinh thái. Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp tham gia triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến dược liệu, trong đó ưu tiên các loại dược liệu chủ lực của tỉnh, như: sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Đương quy, Nghệ vàng... và một số loại dược liệu có thế mạnh, sức tiêu thụ lớn trên thị trường.

- Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có liên quan đến phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dược liệu từ nguồn ngân sách nhà nước; ứng dụng các tiến bộ và chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ trong, ngoài nước vào thực tế sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

**3. Xây dựng chính sách hỗ trợ ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh.**

- Tiếp tục triển khai “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020”; Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản

phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Kon Tum” giai đoạn 2017-2020 và Kế hoạch thực hiện dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Kon Tum” giai đoạn 2017-2020.

- Thực hiện các quy định về chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hoá các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa nhà nước, cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN và tác giả; các quy định về công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và thương mại hoá.

**4. Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; triển khai chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, thu hút trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài.**

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực KH&CN tỉnh gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh đến năm 2020 theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2011-2020;

- Thực thi hiệu quả chính sách thu hút và trọng dụng cán bộ KH&CN theo Nghị định 40/2014/NĐ-CP, ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí cán bộ, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN theo hướng giao quyền tự chủ cho thủ trưởng tổ chức KH&CN.

#### **5. Phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2020 (*Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum*). Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiếp tục cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh.

**6. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tập trung thu hút đầu tư vào các khu công nghệ cao; đẩy mạnh hoạt động ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và lĩnh vực công nghệ cao.**

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen để thu hút đầu tư phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Ưu tiên các nguồn lực để đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, phòng trừ dịch hại, chế biến, bảo quản nông sản, xử lý môi trường.

**7. Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học với các Trường Đại học, các Viện có uy tín; đẩy mạnh hợp tác chuyển giao ứng dụng các thành tựu khoa học,**

công nghệ tiên tiến trên một số lĩnh vực trọng yếu như: nông, lâm nghiệp; công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, công nghệ thông tin; y-dược...

#### IV. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Năm 2020 dự kiến triển khai thực hiện 02 dự án:

- *Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum*". Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 22/10/2015, với tổng mức đầu tư là 25,2 tỷ đồng. Dự kiến kế hoạch năm 2020 là 25,2 tỷ đồng.

- Chuẩn bị đầu tư: : Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo: 500 triệu đồng

#### V. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	Nội dung	Dự kiến kinh phí năm 2020
<b>A</b>	<b>Kinh phí các dự án đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ đầu tư:</b>	<b>29.670</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025</b>	<b>9.670</b>
1	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng và tiêu thụ cây Đinh lăng theo chuỗi giá trị tại huyện miền núi Sa Thầy - tỉnh Kon Tum	4.370
2	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến các sản phẩm từ Sa nhân tím, ngũ vị tử, Đảng sâm đạt tiêu chuẩn GACP-WHO tại huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	5.300
<b>II</b>	<b>Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia</b>	<b>20.000</b>
1	Dự án: Đầu tư nhà máy chế biến Sâm Ngọc linh Kon Tum	20.000
<b>B</b>	<b>Kinh phí do địa phương quản lý</b>	<b>42.860</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp KH&amp;CN</b>	<b>17.160</b>
1	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	8.500
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.	1.600
3	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	3.020
3.1	Hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.	480
3.2	Sở hữu trí tuệ	2.140
3.3	An toàn bức xạ và hạt nhân	190

TT	Nội dung	Dự kiến kinh phí năm 2020
3.4	Đào tạo, tập huấn	280
3.5	Thanh tra KH&CN	50
3.6	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN	50
3.7	Hợp tác quốc tế	180
4	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp	2.000
4.1	Chi tăng cường tiềm lực	1.510
4.2	Chi sửa chữa thường xuyên cho Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ	490
5	Chi khác	150
6	Hỗ trợ hoạt động KH&CN cấp huyện	1.500
7	Hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật	390
<b>II</b>	<b>Kinh phí đầu tư phát triển</b>	<b>25.700</b>
1	Dự án: Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum.	25.200
2	Chuẩn bị đầu tư: Đầu tư xây dựng Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	500
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>72.530</b>

Trên đây là báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách năm 208, kết quả đạt được 06 tháng đầu năm 2019, ước thực hiện cả năm 2019; xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN tỉnh Kon Tum năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ KH&CN xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ KH&CN (b/c);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ KH&CN);
- Vụ KHCN Địa phương (Bộ KH&CN);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX<sub>5</sub>, KTTH.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Nga**



**DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC**  
(Kèm theo Kế hoạch số 1591/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019)

**Phụ lục 1:**

*Biểu TK1-1:* Kết quả hoạt động KH&CN năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-4:* Nhân lực và tổ chức KH&CN.

*Biểu TK1-5:* Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-6:* Văn bản về KH&CN được ban hành năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-7:* Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN

*Biểu TK1-8:* Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương

**Phụ lục 2:**

*Biểu TK2-2:* Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2020.

*Biểu TK2-3:* Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2020.

*Biểu TK2-5:* Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			
-	Nghiên cứu phòng trừ sâu bệnh trên cây Sâm Ngọc Linh.	Viện Bảo vệ Thực vật	Xác định thành phần sâu bệnh hại và các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại bằng biện pháp sinh học	
-	Ứng dụng các tiến bộ KHKT xây dựng mô hình trồng tái canh cây cà phê vối bền vững tại tỉnh Kon Tum.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		
-	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số cây dược liệu trên địa bàn huyện Kon Plông.	Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen	Xây dựng 03 quy trình công nghệ trồng các loại cây dược liệu phù hợp với điều kiện tự nhiên huyện Kon Plông. 03 mô hình trồng cây dược liệu (Thạch tùng răng cưa, Lan Kim tuyến, Đương quy) áp dụng công nghệ cao.	
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu:		Tổng mức đầu tư của dự án: 11 tỷ đồng. Đến nay dự án đã hoàn thành việc đầu	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
	Dự án: “Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Kon Tum”.		tư, toàn bộ thiết bị của dự án đã được nghiệm thu, các hạng mục đầu tư đã đáp ứng được nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng của tỉnh.	
V	<b>Kết quả triển khai các nhiệm vụ KH&amp;CN cấp tỉnh</b>			
	Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây Kim tuyến ( <i>Anoectochilus</i> sp.)	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN	Đã xác định được 2 phương pháp nhân giống lan Kim tuyến: phương pháp nhân giống bằng nuôi cây mô; giâm hom, trong đó phương pháp nhân giống bằng nuôi cây mô có hệ số nhân giống cao, sản xuất được số lượng giống lớn trong thời gian ngắn và chất lượng cây giống tốt hơn phương pháp giâm hom. Tiến hành trồng thử nghiệm 100 m <sup>2</sup> lan Kim tuyến ngoài thực địa ( <i>trồng trong nhà màng</i> ), kết quả nghiên cứu đã xác định được loại giá thể, mật độ phù hợp; kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch Lan Kim tuyến phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, qua đó đã xây dựng 02 quy trình kỹ thuật: quy trình nhân giống và quy trình trồng, chăm sóc cây Lan Kim tuyến.	
	Sản xuất thử nghiệm hoa lan Hồ Điệp, hoa Lily tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN	Đã tiến khai xây dựng mô hình trồng hoa Lily, hoa hồ điệp với quy mô 15.000 cây. Qua đó đã hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất quy mô công nghiệp phù hợp với điều kiện sản xuất trên địa bàn huyện Kon Plông.	
	Nghiên cứu nuôi thử nghiệm cá chêm ( <i>Lates calcarifer</i> Bloch, 1970) trên địa bàn huyện Đăk Hà, Đăk Tô tỉnh Kon Tum	Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung	Đề tài đã tiến hành khảo sát các điều kiện nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Đăk Hà, Đăk Tô, qua đó đã xác	



Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>định, lựa chọn các điểm để bố trí mô hình nuôi thử nghiệm; đã bố trí các thí nghiệm với 2 phương thức nuôi (<i>nuôi ao đất và nuôi lồng</i>) trên địa bàn huyện Đắk Tô và huyện Đắk Hà, kết quả đề tài đã xác định được phương thức nuôi lồng có tỷ lệ sống cao, dễ dàng trong việc quản lý, chăm sóc và có hiệu quả kinh tế cao hơn so với điều kiện nuôi trong ao đất. Thông qua đề tài đã hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật ương, thuần hóa cá giống, kỹ thuật nuôi cá chêm cho các hộ nuôi trong phạm vi đề tài, bước đầu đã xây dựng được quy trình nuôi cá chêm thương phẩm làm cơ sở để chuyển giao các địa phương triển khai ứng dụng trong thực tiễn sản xuất.</p>	
	<p>Chuyển giao, ứng dụng thiết bị sấy cà phê quả tươi quy mô hộ gia đình trên địa bàn một số xã thuộc huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.</p>	<p>Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Đắk Glei</p>	<p>Quá trình triển khai thực hiện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao công nghệ: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tân Sang; phối hợp với phòng NN&amp;PTNN huyện và chính quyền địa phương để tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành các nội dung, mục tiêu dự án đề ra. Dự án đã chuyển giao 08 thiết bị máy sấy MSTR 1.5 cho 08 hộ và nhóm hộ thuộc xã: Đắk Choong, Xốp, Đắk Man, Đắk Blô, Mường Hoong.</p>	
	<p>Xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum</p>	<p>Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ</p>	<p>- Dự án xây dựng được 60 ha mô hình thâm canh mía trên đất ô và đất gò đồi. Năng suất mía bình quân trên đất Ô là 102,6 tấn/ha, đất gò đồi là 83,8 tấn/ha.</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			Lãi ròng mô hình mía trên đất Ó là 37.461.000 đồng/ha/năm, cao hơn đối chứng 32,8%; Trên đất gò đồi là 25.835.000 đồng/ha/năm, cao hơn đối chứng 31,2%. Kết quả đạt được của dự án cũng đã khẳng định sự đóng góp của khoa học công nghệ trong việc tăng năng suất cây trồng, tăng hiệu quả trên đơn vị đất canh tác, sử dụng tài nguyên đất bền vững, hợp lý, thông qua đó góp phần xoá đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn và miền núi.	
	Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất các chế phẩm vi sinh vật đa chức năng để xử lý phế phẩm nông nghiệp làm phân bón.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ	Đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát các điều kiện enzym có hoạt tính pectinase và cellulase để tạo enzym. Đã tạo ra 18 loại chế phẩm.	
	Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống nghệ ( <i>Curcuma longa</i> ) tại tỉnh Kon Tum.	Viện Hoá học, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	Đã điều tra, khảo sát hiện trạng, phân tích đất để lựa chọn địa điểm để triển khai đề tài; tiến hành trồng thử nghiệm các giống nghệ trên địa bàn xã Kroong, xã Ia Dom, huyện Ia H'rai quy mô 1000 m <sup>2</sup> /điểm/2 giống, được bố trí trên 2 loại chân đất đất bồi, đất đồi), kết quả đã xác định giống nghệ VH2 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt hơn giống VH1 (đạt 2,8-3,11 ở giai đoạn nghệ 10 tháng tuổi). Trên cơ sở đó đã bố trí trồng 2 mô hình, với quy 1ha/mô hình, cho năng suất: 30,57-32 tấn/ha đối với giống nghệ VH2.	
	Nghiên cứu, sản xuất cà phê chất lượng cao bằng công nghệ lên men tại huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Trường Đại học Quốc tế TPHCM	Đề tài đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát các điều kiện enzym có hoạt tính pectinase và cellulase để tạo chế phẩm enzym (thành phần môi trường, độ ẩm, thời gian,, đối với chủng nấm, pH ban đầu và	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>lượng (NH<sub>4</sub>)<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đối với chủng nấm men và vi khuẩn. Đã tạo ra 18 loại chế phẩm, trong đó có 5 chủng nấm sợi, 1 chủng nấm men và vi khuẩn có hoạt tính pectinase và cellulase đã được chọn để nghiên cứu khả năng tách vỏ và lên men cà phê. Cà phê lên men đã được tiến hành đánh giá cảm quan và kết quả cho thấy các loại cà phê lên men đạt điểm cao (tốt và xuất sắc) so với cà phê không lên men (trung bình hoặc dưới trung bình). Cà phê lên men có hương vị đậm đà, béo, hậu vị tốt. Ngoài việc trích ly được chất hòa tan cao, cà phê lên men có nhiều ưu điểm về trạng thái, màu sắc, hương và vị.</p>	
	<p>Sản xuất thử nghiệm “Nước giải khát sâm dây” đóng lon và “cao sâm dây” từ nguồn nguyên liệu của địa phương</p>	<p>Công ty TNHH Thái Hoà</p>	<p>Đã hoàn thiện và đưa vào sản xuất 2 sản phẩm cao sâm dây, nước giải khát sâm dây đóng lon. Hiện nay sản phẩm đã tiêu thụ trên thị, cao sâm dây gần hơn 5.000 chai (<i>tương đương 5 kg</i>); nước giải khát sâm dây (<i>5.000 lon</i>).</p>	
	<p>Nghiên cứu, xây dựng mô hình nuôi cá lồng và đề xuất biện pháp phát triển nguồn lợi thủy sản tại các lồng hồ thủy điện Sê San trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.</p>	<p>Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung</p>	<p>Đề tài đã thực hiện đầy đủ và hoàn thành các nội dung đã đề ra, kết quả nghiên cứu đã xác định các đối tượng đưa vào nuôi thử nghiệm, đều thích nghi với điều kiện môi trường nuôi trồng lồng hồ Sê San 4, cá tăng trưởng nhanh và mang lại hiệu quả kinh tế cao: mô hình cá thát lát cườm thương phẩm đạt tỷ suất lợi nhuận đạt 21%; cá lăng đuôi đỏ đạt 61%; đối với mô hình cá Đieu hồng xác định nuôi phù hợp với điều kiện trên lồng hồ, tuy nhiên do ảnh hưởng của thiên tai nên sản lượng thu hoạch chưa xác định được</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			hiệu quả kinh tế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở bước đầu quan trọng để các ngành, địa phương triển khai ứng dụng, nhân rộng trong thực tiễn sản xuất	
	Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu giết mổ gia súc tập trung tại làng nghề tiểu thủ công nghiệp thị trấn Đắk Hà	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Đắk Hà	Đã tiến hành khảo sát, tổ chức học tập kinh nghiệm các địa phương trong nước đã đề xuất mô hình xử lý nước thải phù hợp với điều kiện, quy mô nước thải của địa phương. Tổ chức xây dựng, lắp đặt hệ thống, gồm Bể điều hòa, bể biogas (250m <sup>3</sup> ), bể lắng (kích thước: 5,3 x 4 2,38m), bể lọc sinh học bậc 1 (19,3 x 4,7 x 2,4), bể lọc sinh học bậc 2 (9,56 x 5,9 x 1,3 m); diện tích nắp vòm 86m <sup>2</sup> . Tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng, vận hành hệ thống cho đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia quản lý, vận hành hệ thống. Hệ thống sau hơn 1 năm đưa vào sử dụng, vận hành ổn định, chưa xảy ra hư hỏng, đã tạo khí gas để đưa vào sử dụng trong việc đốt lông tại khu giết mổ. kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý vào bể sinh học thải ra môi trường bởi các thông số: TSS, BOD <sub>5</sub> <sup>20</sup> , N tổng số, P tổng, Phospho hữu cơ và Coliform đều đạt theo trong ngưỡng cho phép khi xả các vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh học theo quy định tại tiêu chuẩn; 40:2011/BTNMT	
	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh ở tỉnh Kon Tum	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN	Kết quả nghiên cứu đề tài đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả ứng dụng các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; tổ chức điều tra hiệu quả ứng dụng của các đề tài KH&CN giai đoạn từ 2000-2013. Kết quả	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>điều tra xác định được tỷ lệ số đề tài, dự án được triển khai ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống theo các mức: Hiệu quả tốt; hiệu quả trung bình; hiệu quả thấp, đã xác định một số nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế trong ứng dụng kết quả đề tài, dự án KH&amp;CN sau khi nghiệm thu. Từ đó đã đề xuất 3 nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả các đề tài, dự án KH&amp;CN cấp tỉnh, gồm: (1) Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KH&amp;CN nói chung về ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&amp;CN nói riêng; (2) Nhóm giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu ĐTDA KH&amp;CN cấp tỉnh của tỉnh Kon Tum theo yêu cầu mới; (3) Nhóm giải pháp đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng kết quả đề tài, dự án sau nghiên cứu.</p>	
	<p>Xây dựng phần mềm quản lý chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh tỉnh Kon Tum trên nền Web</p>	<p>Văn Phòng UBND tỉnh Kon Tum</p>	<p>Dự án chuyển giao, cài đặt 01 phần mềm và đã đưa vào sử dụng ứng dụng tại Văn Phòng UBND tỉnh trong công tác quản lý chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh. Việc triển khai dự án góp phần cải thiện thời gian làm việc cán bộ công chức Văn phòng UBND tỉnh; các số liệu thống kê được cung cấp kịp thời, chính xác đã giúp cho công tác chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh được kịp thời.</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
	Nghiên cứu, hoàn thiện và sản xuất máy hủy tài liệu văn phòng	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	Đã nghiên cứu, hoàn thiện bản vẽ thiết kế và sản xuất thành công máy hủy giấy tài liệu trên cơ sở sản phẩm sáng kiến của tác giả Nguyễn Thị Trinh, phù hợp với điều kiện làm việc, công suất sử dụng của các đơn vị: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum, Văn phòng Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh; Sản xuất 04 thiết bị và chuyên giao đưa vào sử dụng tại các đơn vị.	
	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống, sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo ( <i>Cordyceps militaris</i> ) tại tỉnh Kon Tum.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ	Đã tiếp nhận thành công 03 quy trình công nghệ, gồm: quy trình nhân giống; quy trình sản xuất nấm; quy trình bảo quản, chế biến nấm Đông trùng hạ thảo ( <i>Cordyceps militaris</i> ) để triển khai ứng dụng trong sản xuất tại tỉnh Kon Tum; đào tạo 03 cán bộ kỹ thuật để tổ chức triển khai dự án và duy trì nhân rộng dự án. Dự án đã sản xuất được 5.427 hộp nấm, thu được 10 kg khô quả thể. Kết quả phân, kết quả phân tích mẫu sản phẩm cho thấy, trong các mẫu có hàm lượng một số kim loại nặng là Cadmi, Chi, thủy ngân nhưng hàm lượng rất nhỏ so với ngưỡng cho phép theo quy định (tại Thông tư số 02/2011/TT-BYT, ngày 13/1/2011).	
	Nghiên cứu mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh cho sản phẩm Sâm củ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	Viện thổ nhưỡng Nông hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài đã xây dựng hồ sơ đăng ký mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ (đã được cấp giấy chứng nhận).</li> <li>- Bản đồ hiện trạng phân bố sâm Ngọc Linh tỷ lệ 1/25.000.</li> <li>- Bản đồ chất lượng đất đai tại các vùng</li> </ul>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>điều tra để khoanh vùng mở rộng phạm vi chỉ dẫn địa lý sâm “Ngọc Linh” tỷ lệ 1/25.000.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ khả năng thích hợp đất đai cho cây sâm Ngọc Linh tỉ lệ 1/25.000</li> <li>- Bản đồ chỉ dẫn địa lý Sâm Ngọc Linh được mở rộng ở tỷ lệ 1:25.000.</li> <li>- Báo cáo 1: Ảnh hưởng của phong tục, tập quán, yếu tố con người và phương thức canh tác đến trồng và phát triển của cây sâm Ngọc Linh.</li> <li>- Báo cáo 2: Đặc thù về thổ nhưỡng của đất trồng sâm Ngọc Linh</li> <li>- Báo cáo 3: Thực trạng chất lượng đất vùng mở rộng CDDL sâm Ngọc Linh.</li> <li>- Báo cáo 4: Xác định đặc thù về hình thái, tính chất, chất lượng của sâm Ngọc Linh tại các vùng mở rộng phạm vi CDDL.</li> <li>- Báo cáo 5: Đặc thù điều kiện tự nhiên vùng mở rộng phạm vi CDDL đảm bảo tính đặc thù sâm Ngọc Linh đã được bảo hộ.</li> <li>- Báo cáo 6: Cơ sở khoa học và thực tiễn chứng minh tính đặc thù của sản phẩm sâm và yếu tố tự nhiên, con người quyết định đến tính đặc thù của sản phẩm sâm tại các vùng nghiên cứu đề nghị mở rộng phạm vi lãnh thổ được bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</li> </ul>	
	Xây dựng mô hình sản xuất lúa chịu lạnh trên địa bàn một số xã Đông Trường Sơn tỉnh Kon Tum.	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tu Mơ Rông	- Đã tổ chức điều tra hiện trạng canh tác lúa ở các xã Đông Trường Sơn (huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông) tỉnh Kon	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>Tum; chọn địa bàn, chọn hộ để triển khai các mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mô hình thử nghiệm diện hẹp các giống lúa chịu lạnh (ĐS1, ĐS3, JO1, JO2) và 02 giống lúa đối chứng (IR64 và giống lúa địa phương) trên địa bàn các xã thuộc huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông, với diện tích 3,6ha.</li> <li>+ Mô hình nhân rộng các giống lúa chịu lạnh được lựa chọn (ĐS3, JO1) và 01 giống lúa đối chứng trên địa bàn các xã thuộc huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông, với diện tích 24ha.</li> <li>- Tổ chức tập huấn cho 400 lượt người về kỹ thuật sản xuất lúa chịu lạnh và hội nghị đầu bờ kết quả các mô hình cho 400 lượt người tham gia trên địa bàn các xã triển khai dự án.</li> </ul>	



## NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&amp;CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động <sup>1</sup>	Nhân lực hiện có đến 30/6/2019						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2019 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH				Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ	Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	25	11			15	02	1.865	
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
	<b>Tổng số</b>		<b>25</b>	<b>11</b>			<b>15</b>	<b>02</b>	<b>1.865</b>	

<sup>1</sup> Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN  
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
<b>I</b>	<b>Số nhiệm vụ KH&amp;CN được triển khai</b>		<b>25</b>	<b>6</b>
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	5	1
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	14	3
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	3	2
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	3	
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
<b>II</b>	<b>Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyên gia công nghệ</b>			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	67	10
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD		
3	Giám định công nghệ	CN		
<b>III</b>	<b>Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	0	0
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn	09	09
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	0	0
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	0	0
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị	0	0
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)	0	0
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	10	04
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	9	3
<b>IV</b>	<b>Công tác Sở hữu trí tuệ</b>			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	12	5
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	12	5
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	02	02
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	69	61
<b>V</b>	<b>Công tác thông tin và thống kê KH&amp;CN</b>			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy,	Tài		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
	tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&amp;CN</i>	Tạp chí/bản tin	6.000 cuốn/16 số	700 cuốn/4 số
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát	07	02
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN đang tiến hành</i>	N.vụ	25	13
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ	13	3
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thông kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>	2	1
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>	2	1
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
<b>VI</b>	<b>Công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng</b>			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	3552	1916
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn	0	
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn	1	<i>Quy chuẩn kỹ thuật kiểm định máy X-quang</i>
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	40	41
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	45	15
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	1178	281
<b>VII</b>	<b>Công tác thanh tra</b>			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	54	11
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	54	11
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	4	2
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	9,7	3,5
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động đổi mới công nghệ</b>			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ <sup>2</sup>	Doanh nghiệp		

<sup>2</sup> Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HD		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
<b>IX</b>	<b>Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</b>			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
<b>X</b>	<b>Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&amp;CN</b>			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
<b>XI</b>	<b>Công tác phát triển thị trường KH&amp;CN</b>			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
<b>XII</b>	<b>Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia</b>			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án	5	
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp	5	
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		

**VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH  
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1	Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum.	31/7/2018			X
2	Quyết định số 64/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt danh mục Xây dựng chỉ dẫn địa lý “Đăk Hà” cho sản phẩm cà phê” huyện Đăk Hà thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020;	16/01/2018			X
3	Quyết định số 294/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt danh mục Đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Sâm Ngọc Linh Kon Tum” thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020.	27/3/2018			X
4	Quyết định số 143/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục đề tài, dự án KH&CN năm 2018.	06/02/2018			X
5	Quyết định số 443/QĐ-UBND, về phê duyệt bổ sung danh mục đề tài, dự án KH&CN năm 2018.	03/5/2018			X
6	Quyết định số 636/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum.	22/6/2018			X
7	Quyết định số 932/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL Ngọc Linh cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum.	07/9/2018			X
8	Quyết định số 79/QĐ-UBND, của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức	08/2/2018			X

	thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2018.				
9	Quyết định số 570/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc thành lập Ban tổ chức tổ chức Cuộc thi sáng tác biểu tượng (logo) Chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh và Nhân hiệu chứng nhận sâm Ngọc Linh Kon Tum	16/11/2018			X
10	Quyết định số 64/QĐ-HĐSK của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh về việc công nhận sáng kiến cấp tỉnh (đợt 1) năm 2017.	19/3/2018			X
11	Quyết định số 107/QĐ-HĐSK của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh về việc công nhận sáng kiến cấp tỉnh (đợt 2) năm 2017	04/7/2018			X
12	Quyết định số 589/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum.	03/12/2018			X
13	Quyết định số 589/QĐ-UBND của UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum	03/12/2018			X
14	Quyết định số 496/QĐ-UBND UBND tỉnh về việc thành lập ban tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum năm 2019	16/5/2019			X
15	Quyết định số 497/QĐ-UBND UBND tỉnh về việc phê duyệt kịch bản diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh năm 2019	16/5/2019			X
16	Quyết định số 108/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2019	04/3/2019			X
17	Quyết định số 224/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum năm 2019	11/3/2019			X

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN**

<b>Số nhiệm vụ triển khai năm 2018</b>			<b>Số nhiệm vụ mở mới năm 2019</b>		
<b>Tổng số</b>	<b>Khoán đến sản phẩm cuối cùng</b>	<b>Khoán từng phần</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Khoán đến sản phẩm cuối cùng</b>	<b>Khoán từng phần</b>
Cấp Tỉnh	<b>0</b>	<b>25</b>	<b>06</b>	<b>0</b>	<b>06</b>
Cấp cơ sở					



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Quyết định thành lập <i>(số, ngày tháng năm)</i>	Vốn điều lệ <i>(Triệu đồng)</i>	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, v.v...		Giải ngân <i>(Triệu đồng)</i>		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí <i>(Triệu đồng)</i>	Năm 2018	Năm 2019	
<b>10/QĐ-UBND</b> ngày <b>07/01/2009</b>	<b>2.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
<b>436/QĐ-UBND</b> ngày <b>07/6/2019</b>		Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum				

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4-5-6</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	<b>Tổng cộng</b>										
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ chuyên tiếp sang 2020</b>			<b>18.651</b>	<b>11.061</b>	<b>2.620</b>	<b>3.588</b>	<b>4.853</b>		<b>7.590</b>	
1.1	Nghiên cứu phòng trừ sâu bệnh trên cây Sâm Ngọc Linh.	143/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	24 tháng	1.830	1.130	1.020	110			700	Viện Bảo vệ thực vật
1.2	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau, cây ăn quả an toàn theo chuỗi giá trị tại huyện Kon Plông.	443/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	36 tháng	3.975,4	1.502,6	1.100	250	152,6		2.472,8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kon Plông
1.3	Chuyên giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN mở rộng, phát triển sản xuất rau an toàn theo mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu	443/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	24 tháng	1.544,7	528	500	28			1.016,7	Phòng Kinh tế thành phố Kon Tum

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	thu sản phẩm trên địa bàn thành phố Kon Tum										
1.4	Khảo sát thành phần hóa học, xây dựng qui trình định lượng saponin trên thân, lá Sâm Ngọc Linh làm cơ sở khoa học cho các sản phẩm ứng dụng.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	2.000	2.000		600	1.400			
1.5	Hoàn thiện quy trình chiết xuất dịch chiết từ Đảng sâm, nấm Đông trùng hạ thảo và đề xuất các sản phẩm ứng dụng trong chế biến.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	24 tháng	1.900	1.900		600	1.300			
1.6	Sản xuất thử nghiệm cà phê lên men và cà phê tách vỏ Honey bởi chế phẩm BIOCO.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	2.000	1.000		400	600		1.000	
1.7	Xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá niên ( <i>Onychostoma</i> )	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	1.500			400	600		500	

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	gerlachi, W.K.H. Peters, 1881) trên địa bàn huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum										
1.8	Xây dựng mô hình trồng cây Lan Kim tuyến ( <i>Anoectochilus</i> sp.) dưới tán rừng tại 02 huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông tỉnh Kon Tum.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	1.900	1.000	500	600	800		900	
1.9	Xây dựng mô hình phát triển trồng cây sắn bền vững tại huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	24 tháng	2.000	1.000		600	400		1.000	
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ mới 2020</b>			<b>7.912</b>	<b>4.912</b>		<b>4.912</b>			<b>3.000</b>	<i>Chưa được phê duyệt danh mục</i>
1.1	Nhận diện và ngăn chặn xung đột xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh Kon Tum										
1.2	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá trắm đen ( <i>Mylopharyngodon puceus</i> Richardson,										

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	1846) trong ao và lồng tại tỉnh Kon Tum.										
1.3	Đánh giá các điều kiện thích nghi phục vụ mở rộng diện tích trồng sâm Ngọc Linh và một số dược liệu khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.										
1.4	Phục tráng giống nếp than và giống lúa gạo đỏ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.										
1.5	Xây dựng mô hình trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông										
1.6	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống và trồng thử nghiệm cây Đàng Sâm trên địa bàn Thành Phố Kon Tum										
1.7	Sản xuất thử nghiệm										

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4-5-6</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	chiết xuất cao giàu ligustilide 0,5% từ rễ Đương quy Nhật Bản ( <i>Angelica acutiloba</i> ).										

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&amp;CN NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Căn cứ pháp lý (QĐ phê duyet)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>								
<b>II</b>	<b>Dự án mới</b>						<b>25.200</b>		<b>25.200</b>
1	Dự án: Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum.	866/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	Sở Khoa học và Công nghệ	TP, Kon Tum	2019	2020	25.200	0	25.200
2	Chuẩn bị đầu tư: Đầu tư xây dựng Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo		Sở Khoa học và Công nghệ	TP, Kon Tum	2020	2025			500

**DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2019	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2019	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2019	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2020
<b>A</b>	<b>Kinh phí các dự án do Trung ương quản lý</b>				<b>29.670</b>
<b>B</b>	<b>Kinh phí do địa phương quản lý</b>				<b>42.860</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp KH&amp;CN</b>	<b>15.753</b>	<b>15.753</b>	<b>15.753</b>	<b>17.160</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	7.300	7.300	7.300	8.500
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	2.050	2.050	2.050	1.600
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	3.875	3.875	3.875	3.020
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng	445	445	445	480
	Sở hữu trí tuệ	1.620	1.620	1.620	2.140
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	880	880	880	190
	Đào tạo, tập huấn	275	275	275	280
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN	605	605	605	50
	Thanh tra KH&CN	50	50	50	50
	Hợp tác quốc tế				180
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện	1.500	1.500	1.500	1.500
6	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp (trong đó: Chi sửa chữa thường xuyên cho Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ: 490trđ)	220	220	220	2.000
7	Chi khác	358	358	358	150
8	Hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật	450	450	450	390
<b>II</b>	<b>Kinh phí đầu tư phát triển</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25.700</b>
1	Dự án: Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao				25.200



	trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum.				
2	Chuẩn bị đầu tư: Đầu tư xây dựng Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo				500
	<b>Tổng số (A+B)</b>				<b>72.530</b>